TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 97/2026/DS-PT
Ngày: 21/01/2026
"V/v *tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thúy Hằng

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Ông Đinh Tiền Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 769/2025/TLPT-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2025/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025, của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 974/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Kim J (Võ Thi N), sinh năm 1986; địa chỉ: Republic of Korea, Sanup-ro, Oedong-eup, Gyeongju-si, Gyeongsangbuk-do, 111-dong, 303, Buyeong Apartment. Vắng mặt, có ủy quyền.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Lâm Q, sinh năm: 1980; cư trú tại: Ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Nay là phường G, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Kim T, sinh năm 1978; anh Chung Văn T, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp B, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Nay là xã B, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Huỳnh Thị T1, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp B, xã A, huyện B, tỉnh

Tây Ninh. Nay là xã B, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- Anh Huỳnh Tấn Đ, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp B, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Nay là xã B, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

4. Người làm chứng: Chị Nguyễn Kim K, sinh năm 1997; cư trú: Ô2/70 khu phố T, phường G, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người kháng cáo: Chị Kim J (Võ Thi N) là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Chị Kim J (tên gọi ở Việt Nam là Võ Thi N) và anh Huỳnh Tấn Đ là em trai chị T có mối quan hệ bạn bè thân thiết. Ngày 23/8/2023 và 27/8/2023, chị N chuyển tiền vào tài khoản của chị T tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, thông qua Ngân hàng Đầu tư và phát triển (vì đây là tiền từ nước ngoài chuyển về). Tổng số tiền 2 lần chuyển là 200.000.000 đồng, mục đích chuyển là cho vợ chồng chị T vay. Việc chị T hỏi vay tiền của chị N thông qua các cuộc nói chuyện và tin nhắn, tuy nhiên chị N không lưu các tin nhắn này vì chị N đã có gia đình, không muốn gia đình biết việc có mối quan hệ thân thiết với anh Đ và gia đình anh Đ. Chị T vay tiền để xoay xở việc gia đình. Khi chị N chuyển tiền cho vay, các bên không thỏa thuận về lãi, chỉ thỏa thuận thời gian trả là 06 tháng nhưng đến nay vợ chồng chị T không trả nên chị N khởi kiện. Yêu cầu vợ chồng chị T, anh T trả số tiền 200.000.000 đồng tiền gốc, lãi 10%/năm tính từ ngày 01/9/2023 đến khi xét xử sơ thẩm.

Ngoài tranh chấp trong vụ án này, chị N còn có mối quan hệ qua lại về tài sản đối với chị T, anh Đ, anh H; đây là anh chị em ruột của chị T, tuy nhiên chị N không có tranh chấp trong vụ án này.

** Bị đơn chị Huỳnh Kim T, anh Chung Văn T trình bày:*

Anh chị không có mối quan hệ gì với chị N. Chị N có quan hệ tình cảm với em trai chị T là anh Huỳnh Tấn Đ. Sau khi chị N chuyển tiền vào tài khoản của chị T một thời gian thì chị N mới kết bạn facebook với chị T.

Về việc chuyển tiền vào tài khoản của chị T: Anh Đ có nói với chị T là có bạn ở nước ngoài chuyển tiền và đề nghị chị T khi nhận được thì chuyển ngay cho Đạt, vì đó là tiền chị Huỳnh Thị T1 (chị gái chị T, anh Đ) vay của chị N nhưng chị T không có tài khoản ngân hàng, còn chị N thì giấu gia đình mối quan hệ tình cảm với anh Đ nên không thể chuyển tiền vào tài khoản của Đạt. Ngay khi tài khoản nhận tiền vào các ngày 23/8/2023 và 27/8/2023 thì chị T chuyển

khoản ngay cho Đạt, có bảng sao kê kèm theo. Sau khi anh Đ nhận được tiền đã rút tiền mặt đưa cho chị T. Không có sự việc vợ chồng chị T vay tiền của chị N.

Khoảng một tháng sau khi vay, chị T trả trước 100.000.000 đồng, chị N nói đưa tiền cho anh Đ vì khi đó chị N và Đ vẫn đang có mối quan hệ tình cảm, số tiền đó chị N cho anh Đ để mua xe. Khoảng một năm sau, chị T tiếp tục trả 100.000.000 đồng còn lại, hình thức trả là em dâu chị N tên Nguyễn Kim K đến nhà chị T nhận tiền mặt số tiền 80.000.000 đồng; 20.000.000 đồng còn lại chị N nói là cho chị T 2.000.000 đồng nên con gái chị T là Ngô Mỹ T2 chuyển 18.000.000 đồng vào tài khoản của chị K. Việc chuyển tiền có sao kê kèm theo.

Vì vậy chị T, anh T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Tl trình bày:*

Chị là chị gái của chị T, anh Đ. Thống nhất với lời trình bày của vợ chồng chị T, anh T về mối quan hệ giữa các bên và về việc chị vay tiền của chị N cũng như cách chuyển tiền, nhận tiền và trả tiền. Chị T xác định chị là người vay tiền của chị N và đã trả đầy đủ. Việc chị N khởi kiện chị T, anh T là không có căn cứ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Tấn Đ trình bày:*

Anh là em trai chị T, chị T. Anh và chị N có mối quan hệ tình cảm. Người vay tiền của chị N là chị T, chị T cũng đã trả đủ 100.000.000 đồng cho chị N. 100.000.000 đồng còn lại anh đã nhận và mua xe vì số tiền đó chị N cho anh. Việc chị N khởi kiện chị T, anh T là không có căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi, nay yêu cầu bị đơn trả 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi 10%/năm tính từ ngày 01/3/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại Bản án số 100/2025/DS-ST ngày 21/8/2025 của Tòa án nhân khu vực 12 - Tây Ninh đã quyết định:

Không Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim J (Võ Thị Nên) đối với chị Huỳnh Kim T, anh Chung Văn T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/8/2025 ông Nguyễn Lâm Q là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Kim J (Võ Thi N) được thực hiện đúng quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Nội dung vụ án: Chị N chuyển tiền vào tài khoản của chị T tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (thông qua Ngân hàng Đầu tư và phát triển), tổng số tiền hai lần chuyển khoản là 200.000.000 đồng. Nguyên đơn trình bày đây là tiền vợ chồng chị T, anh T vay, nay yêu cầu trả nợ gốc và lãi 10%/năm. Chị T thừa nhận có sự việc chị N chuyển tiền vào tài khoản của chị T, tuy nhiên đó là tiền chị T vay của chị N và chị T cũng đã trả xong nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị N.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Kim J (Võ Thi N) thấy rằng:

[3.1] Chị Kim J (Võ Thi N) yêu cầu chị Huỳnh Kim T trả số tiền số vay tổng cộng là 200.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của chị N là nội dung chuyển khoản của chị N chuyển khoản vào số tài khoản của chị T ngày 23/8/2023 số tiền 100.000.000 đồng, ngày 27/8/2023 100.000.000 đồng. Chị T thừa nhận có nhận chuyển khoản 200.000.000 đồng của chị N nhưng không phải là tiền chị vay của chị N mà do anh Đ em chị có quan hệ tình cảm với chị N nên chị N chuyển về cho chị T vay. Việc vay tiền của chị T, thì chị T đã trả cho chị N xong bằng cách: sau khi vay 01 tháng chị T đã trả cho anh Đ 100.000.000 đồng theo điện thoại chị N kêu cho anh Đ để anh Đ mua xe SH; còn 100.000.000 em dâu chị N là chị K đã đến nhà gặp chị T lấy 80.000.000 đồng

tiền mặt và con chị T là cháu Trinh đã chuyển khoản cho chị K số tiền 18.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng chị N nói cho chị T.

[3.2] Xét lời trình bày của chị T thấy rằng: Số tiền 100.000.000 đồng tiền mặt chị T đã trả cho anh Đ theo điện thoại chị N kêu cho anh Đ để anh Đ mua xe SH, chị N không thừa nhận việc cho anh Đ số tiền 100.000.000 đồng, chị T cũng không có chứng cứ chứng minh. Đối với số tiền 100.000.000 đồng còn lại, chị T cho rằng em dâu chị N là chị K đã đến nhà gặp chị T lấy 80.000.000 đồng tiền mặt và con chị T là cháu Trinh đã chuyển khoản cho chị K số tiền 18.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng chị N nói cho chị T, tại phiên tòa chị K trình bày chị T trả tiền cho khoản vay khác và chị N cũng thống nhất số tiền 100.000.000 đồng chị K nhận là trả cho khoản vay 196.000.000 đồng. Căn cứ vi bằng số 4182025/VB-TPL ngày 26/6/2025 tin nhắn của chị N có nội dung "*…chị trả 100 triệu trước cho ai em không nhận nha, 100 triệu trả lần sau góp tổng 196 triệu. Giờ còn tổng hơn 300 triệu*…) lời trình bày của chị K và chị N là có căn cứ.

Đối với tin nhắn "*Tiền của chị 200 triệu. Chị gửi trả rồi. Sao e cưng nhắn tin đòi Tuyến hoài vậy*" đây là tin nhắn của chị T với chị N, chị N không thừa nhận, chứ không phải chứng cứ chứng minh chị T đã trả tiền cho chị N.

Mặc khác quan hệ tranh chấp này là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị N và chị T, chị T thừa nhận có nhận 200.000.000 đồng của chị N và chị T không có chứng cứ chứng minh đã trả số tiền 200.000.000 đồng cho chị N. Nay chị N yêu cầu chị T trả số tiền vay 200.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Cấp sơ thẩm căn cứ vào tin nhắn trao đổi giữa các đương sự nội dung anh Đ có mua xe, bán xe để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim J (Võ Thi N) là không có căn cứ.

[3.3] Xét yêu cầu của chị N yêu cầu anh Chung Văn T cùng trả tiền vay thấy rằng: Số tiền 200.000.000 đồng chị N chuyển vào tài khoản của chị T, không ghi mục đích vay cũng như không có chứng cứ chứng minh anh T biết sự việc này. Sau khi chị N chuyển vào tài khoản của chị T thì chị T đã chuyển cho em ruột là anh Đ nên có căn cứ anh T cũng không sử dụng số tiền này. Do đó yêu cầu anh T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho chị N số tiền này là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.4] Xét yêu cầu tính lãi của số tiền 200.000.000 đồng thấy rằng: Chị N cho rằng cho chị T vay trong thời hạn 06 tháng, không tính lãi suất, chị T không thừa nhận, chị N không có căn cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không xác định thời hạn và không tính lãi suất theo

quy định tại Điều 469 Bộ Luật Dân sự. Lãi suất được tính từ ngày chị N khởi kiện theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Do đó lãi suất được tính như sau: 22/4/2025 (ngày khởi kiện) đến ngày xét xử sơ thẩm (21/08/2025) là: 200.000.000 đồng x 0,83%tháng x 3 tháng 29 ngày = 6.584.666 đồng (làm tròn 6.585.000 đồng). Do đó chị T có nghĩa vụ trả cho chị N tổng cộng là 206.585.000 đồng; trong đó số tiền vốn là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 6.585.000 đồng.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N, sửa bản án sơ thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên chị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm tính theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Kim J (Võ Thi N).

- Sửa Bản án dân sư sơ thẩm số 100/2025/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025, của Toà án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 119, 463, 468, 469 Bộ luật Dân sự Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 của UBTV của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim J (Võ Thị Nên) đối với chị Huỳnh Kim T.

Buộc chị Huỳnh Kim T có trách nhiệm trả cho chị Kim J (Võ Thị Nên) số tiền 206.585.000 đồng (hai trăm lẻ sáu triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng) trong đó số tiền vốn là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 6.585.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim J (Võ Thị Nên) yêu cầu anh Chung Văn T cùng với chị Huỳnh Kim T trả tiền nợ cho chị Kim J (Võ Thị Nên).

3. Về án phí sơ thẩm:

Chị Huỳnh Kim T phải chịu 10.329.000 đồng (mười triệu ba trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị Kim J (Võ Thị Nên) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lại thu số 0001111 ngày 12/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho chị Kim J (Võ Thị Nên) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Nguyễn Lâm Q nộp thay) theo biên lại thu số 0003752 ngày 03/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND khu vực 12 -Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án; Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Dương Thúy Hằng